TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2019/DSST-HNGĐ

Ngày: 26/11/2019

V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Phương Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh.

2. Ông Phan Thanh Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Phục Hưng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Minh H,** sinh năm 1977;

ĐKTT: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh A.

Chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Lâm Thị Út D**, sinh năm 1976. Có đơn xin vắng mặt.

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Võ Minh H Gia trình bày:

Anh chị qua tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, do quan điểm sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ 02 năm nay. Đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn nên anh H đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị D.

* *Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Trọng N (nam), sinh ngày 16/4/1997, và Võ Thị Tú T, sinh ngày 24/4/2002. Cháu N đã trưởng thành, cháu T sống với ai thì theo nguyện vọng của cháu, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung, nợ chung:* không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai và hòa giải chị D trình bày:

Tôi thống nhất lời trình bày của anh H về thời gian tìm hiểu, thời gian cưới, chúng tôi có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do ông H có tình cảm khác bên ngoài, mặc dù chị D đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh H thì tôi đồng ý.

* *Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Trọng N (nam), sinh ngày 16/4/1997, và Võ Thị Tú T, sinh ngày 24/4/2002. Cháu N đã trưởng thành, tôi có nguyện vọng được nuôi cháu T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung và nợ chung:* không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Anh H và chị D chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh Gùng có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị D. Tranh chấp này được xác định là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng* " và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Xét về nội dung vụ án*: Anh H và chị D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cướn nhưng không đăng ký kết hôn nên xem như hôn nhân không hợp pháp, khi đương sự có yêu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa hai anh chị có phát sinh mâu thuẫn: do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu Tòa án không công nhận quan hệ vơ chồng với chị D là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống có Có 02 con chung tên Võ Trọng N (nam), sinh ngày 16/4/1997, và Võ Thị Tú T, sinh ngày 24/4/2002. Cháu N đã trưởng thành, anh chị thống nhất để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Tú T đến khi trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có, nên không đặt ra giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 14, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Minh H.

* *Về quan hệ hôn nhân:* **Không công nhận quan hệ vợ chồng** giữa anh Võ Minh H và chị Lâm Thị Út D.

* *Về con chung:* Giao cháu Võ Thị Tú T, sinh ngày 24/4/2002 cho chị Lâm Thị Út D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T tròn 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh H, không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, nguyên- bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* *Về tài sản chung và nợ:* Các bên khai là không có nên không đặt ra giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

* *Về án phí:* Anh Võ Minh H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 015311 ngày 29/10/2019 thành án phí xem như anh H đã nộp xong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh